

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1607/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY CHẾ KIỂM TOÁN NỘI BỘ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng, Kiểm toán trưởng Kiểm toán Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP⁰⁸ (để b/c);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Các Cục: Quân lực, Tổ chức, Cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, BD, KT (02). Thien.....

Đại tướng Phan Văn Giang

QUY CHẾ

KIỂM TOÁN NỘI BỘ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG
(Ban hành theo Quyết định số: 1607/QĐ-BQP ngày 08 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về mục tiêu, phạm vi hoạt động, vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng và mối quan hệ với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, bao gồm cả phạm vi và cách thức cung cấp thông tin phục vụ kiểm toán nội bộ; yêu cầu về tính độc lập, khách quan, nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn, việc đảm bảo chất lượng kiểm toán nội bộ và các nội dung khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ đối với lĩnh vực tài chính, tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.
2. Kiểm toán Bộ Quốc phòng, các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp (sau đây viết gọn là đơn vị) và cá nhân trong Bộ Quốc phòng có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Kiểm toán nội bộ* là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, tính thích hợp và tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.
2. *Kiểm toán Bộ Quốc phòng* là cơ quan thực hiện kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng.
3. *Người làm công tác kiểm toán* là người thực hiện công tác kiểm toán nội bộ thuộc Kiểm toán Bộ Quốc phòng.
4. *Kiểm toán trưởng* là người được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm và giao phụ trách hoạt động của Kiểm toán Bộ Quốc phòng.
5. *Người có liên quan của người làm công tác kiểm toán* là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu.

Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và khuyến nghị về các nội dung sau đây:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trong Bộ Quốc phòng được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

2. Các chế độ chính sách, chế độ quản lý, chế độ kế toán và quy trình nghiệp vụ thuộc lĩnh vực tài chính, tài sản công trong Bộ Quốc phòng được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả cao.

3. Mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ công tác của các đơn vị trong Bộ Quốc phòng đạt được trên cơ sở bảo đảm tính tuân thủ, hiệu quả của công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Điều 5. Vị trí và cơ chế quản lý kiểm toán nội bộ

1. Cơ quan kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng là Kiểm toán Bộ Quốc phòng thuộc Văn phòng Bộ Quốc phòng về hành chính - quân sự.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý trực tiếp về chuyên môn đối với Kiểm toán Bộ Quốc phòng, đảm bảo tính độc lập về chuyên môn với các cơ quan khác.

Nhiệm vụ, quyền hạn về kiểm toán nội bộ của Văn phòng Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

3. Nội dung quản lý về chuyên môn gồm:

a) Ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng.

b) Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm.

c) Nhận thông tin báo cáo từ Kiểm toán trưởng về kết quả hoạt động của Kiểm toán Bộ Quốc phòng; các vấn đề về hệ thống kiểm soát nội bộ, rủi ro liên quan đến hoạt động được kiểm toán và các vấn đề khác theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Kiểm toán trưởng được báo cáo trực tiếp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khi cần thiết.

d) Quyết định việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng.

đ) Phê chuẩn các quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm toán trưởng.

e) Xem xét, quyết định về phạm vi kiểm toán nội bộ phù hợp với giới hạn nguồn lực của Kiểm toán Bộ Quốc phòng.

4. Báo cáo về kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Điều 6. Phạm vi của kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ bao gồm hoạt động đưa ra các đảm bảo, phân tích chuyên sâu, tư vấn và khuyến nghị một cách độc lập, khách quan nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong lĩnh vực tài chính, tài sản công:

a) Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, tính phù hợp, tính hợp pháp của các chế độ chính sách, chế độ quản lý, chế độ kế toán và quy trình nghiệp vụ về tài chính, tài sản công;

- Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các chế độ chính sách, chế độ quản lý, chế độ kế toán và quy trình nghiệp vụ về tài chính, tài sản công;

- Kiểm tra, đánh giá và xác nhận độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán;

- Kiểm tra, đánh giá các phương tiện bảo vệ tài sản và xác minh sự hiện hữu của các tài sản đó khi cần;

- Kiểm tra, đánh giá và báo cáo về rủi ro trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công liên quan đến việc đạt được các mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ công tác và các vấn đề cần thiết khác được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng yêu cầu.

b) Đưa ra các phân tích chuyên sâu thông qua việc kiểm tra, đánh giá dữ liệu, chương trình, kế hoạch và hoạt động tài chính:

- Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy, tính toàn vẹn của hệ thống thông tin tài chính và các phương tiện được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin đó;

- Kiểm tra, phân tích các chương trình, kế hoạch về tài chính để xác định kết quả có phù hợp với mục tiêu đã thiết lập;

- Kiểm tra, đánh giá các hoạt động tài chính có được thực hiện theo chương trình, kế hoạch;

- Kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính.

c) Đưa ra các tư vấn, kiến nghị độc lập, khách quan để hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị.

2. Kiểm toán nội bộ bao gồm hoạt động kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau.

a) Kiểm toán trước: Được thực hiện trước khi triển khai các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của đơn vị được kiểm toán, nhằm đánh giá độ tin cậy của thông tin tài chính, tính kinh tế, tính khả thi và hiệu quả của dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động; giúp chỉ huy các cấp đưa ra các quyết định về quản lý tài chính, tài sản công.

b) Kiểm toán đồng thời: Được thực hiện trong khi triển khai các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của đơn vị được kiểm toán, nhằm đánh giá chất lượng, tiến độ thực hiện; phát hiện và kiến nghị kịp thời các biện pháp khắc phục những sai lệch, thiếu sót về tài chính, tài sản công trong quá trình thực hiện các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động.

c) Kiểm toán sau: Được thực hiện sau khi hoàn thành các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của đơn vị được kiểm toán, nhằm thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động.

d) Tùy thuộc vào đối tượng kiểm toán, khi lập kế hoạch kiểm toán nội bộ có thể kết hợp cả kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau.

3. Các hoạt động khác:

a) Tư vấn cho các đơn vị về việc lựa chọn, sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

b) Kiểm tra, đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

c) Báo cáo định kỳ về mục đích, quyền hạn, trách nhiệm và hiệu suất của Kiểm toán Bộ Quốc phòng liên quan đến kế hoạch kiểm toán nội bộ.

Điều 7. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ

1. Tính độc lập:

a) Người làm công tác kiểm toán không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ. Người làm công tác kiểm toán không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá và báo cáo.

b) Người làm công tác kiểm toán không được tham gia kiểm toán các đơn vị mà người làm công tác kiểm toán chịu trách nhiệm quản lý hoặc thực hiện hoạt động được kiểm toán tại đơn vị đó trong vòng 03 năm kể từ khi có quyết định không thực hiện quản lý hoặc thực hiện hoạt động được kiểm toán tại đơn vị đó.

c) Người làm công tác kiểm toán không được tham gia kiểm toán các đơn vị mà người có liên quan của người làm công tác kiểm toán chịu trách nhiệm quản lý hoặc thực hiện hoạt động được kiểm toán tại đơn vị đó.

2. Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán phải đảm bảo khách quan, chính xác, trung thực, công bằng trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.

3. Tính tuân thủ: Người làm công tác kiểm toán phải tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm toán nội bộ.

Điều 8. Chuẩn mực chuyên môn của kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán Bộ Quốc phòng tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán nội bộ và quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ (sau đây viết gọn là Thông tư số 08/2021/TT-BTC).

2. Kiểm toán Bộ Quốc phòng phải tuân thủ Quy trình kiểm toán nội bộ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ

1. Tính chính trực: Người làm công tác kiểm toán phải thực hiện các công việc chuyên môn với sự trung thực, tính cân trọng và tinh thần trách nhiệm; tuân thủ pháp luật và công bố các thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và yêu cầu chuyên môn về kiểm toán nội bộ; không tham gia các hoạt động trái pháp luật và các hoạt động làm tổn hại đến uy tín nghề nghiệp, uy tín của Bộ Quốc phòng.

2. Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán phải đảm bảo tính khách quan trong việc thu thập, đánh giá, trao đổi thông tin về hoạt động được kiểm toán. Người làm công tác kiểm toán đưa ra các đánh giá khách quan về tất cả các tình huống liên quan và không bị ảnh hưởng bởi lợi ích của mình hoặc người khác trong việc đưa ra đánh giá, kết luận của mình.

3. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Người làm công tác kiểm toán áp dụng các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn trong công tác kiểm toán nội bộ; hành động một cách thận trọng, phù hợp với các chuẩn mực chuyên môn và kỹ thuật được áp dụng.

4. Tính bảo mật: Người làm công tác kiểm toán phải tôn trọng giá trị, quyền sở hữu của thông tin được cung cấp và không tiết lộ thông tin này nếu không được phép của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp việc tiết lộ thông tin thuộc trách nhiệm chuyên môn hoặc theo yêu cầu của pháp luật.

5. Tư cách nghề nghiệp: Người làm công tác kiểm toán phải tuân thủ pháp luật và các quy định của Bộ Quốc phòng có liên quan, không được thực hiện các hành vi vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

6. Kiểm toán trưởng phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo người làm công tác kiểm toán tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTC.

Điều 10. Tiêu chuẩn của người làm công tác kiểm toán

1. Tiêu chuẩn của người làm công tác kiểm toán:

a) Có bằng đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Kiểm toán Bộ Quốc phòng, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.

b) Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

c) Có kiến thức, hiểu biết về pháp luật và hoạt động của Bộ Quốc phòng; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.

d) Đáp ứng yêu cầu phẩm chất và năng lực quy định tại Thông tư số 142/2018/TT-BQP ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Văn phòng Bộ Quốc phòng.

đ) Kiểm toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản này; có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn về quản lý tài chính, tổ chức kiểm toán và các kỹ năng liên quan khác.

2. Kiểm toán trưởng xem xét quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động kiểm toán nội bộ để báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định nguồn nhân lực cần thiết cho Kiểm toán Bộ Quốc phòng. Trường hợp cần thiết, Kiểm toán trưởng được đề xuất thuê chuyên gia tư vấn đối với một số lĩnh vực chuyên môn ngoài năng lực chuyên môn của Kiểm toán Bộ Quốc phòng, thực hiện lập kế hoạch, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả của việc thuê chuyên gia tư vấn.

Điều 11. Quyền hạn của Kiểm toán Bộ Quốc phòng

1. Chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

2. Được yêu cầu bảo đảm nguồn lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

3. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết như việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị để phục vụ công tác lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán nội bộ.

4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản của đơn vị được kiểm toán khi thực hiện kiểm toán nội bộ.

5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của đơn vị được kiểm toán về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.

6. Được nhận thông tin, tài liệu, văn bản, biên bản họp của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng khác có liên quan đến hoạt động được kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm.

7. Được theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động sửa chữa, khắc phục của đơn vị theo kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng đã được phê duyệt.

8. Được bảo vệ trước hành động bất hợp tác của đơn vị được kiểm toán.
9. Được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho người làm công tác kiểm toán.

Điều 12. Trách nhiệm của Kiểm toán Bộ Quốc phòng

1. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về kết quả kiểm toán nội bộ, những đánh giá, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán nội bộ.
3. Kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện của đơn vị theo kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng đã được phê duyệt.
4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng liên tục nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán.
5. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán

1. Trách nhiệm:
 - a) Thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.
 - b) Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán nội bộ.
 - c) Đưa ra các kết luận và kết quả kiểm toán nội bộ một cách độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán nội bộ được giao thực hiện.
 - d) Lưu trữ các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và kết quả kiểm toán nội bộ.
 - đ) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng.
 - e) Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ theo quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTC.
 - g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.
2. Quyền hạn:
 - a) Độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về hoạt động được kiểm toán.

b) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động được kiểm toán.

c) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán nội bộ trong phạm vi được phân công.

d) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán trưởng

1. Trách nhiệm:

a) Quản lý, điều hành Kiểm toán Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thường xuyên đánh giá về trình độ, năng lực chuyên môn của người làm công tác kiểm toán; đảm bảo người làm công tác kiểm toán được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan của hoạt động kiểm toán nội bộ. Hằng năm, phải xác nhận tính độc lập và khách quan của Kiểm toán Bộ Quốc phòng, tổng hợp nội dung vào báo cáo kết quả của chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ.

d) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ.

đ) Có ý kiến khi có đề nghị tham vấn của người phụ trách kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.

e) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán nội bộ do Kiểm toán Bộ Quốc phòng thực hiện.

g) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng.

h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Quyền hạn:

a) Đề xuất với cấp có thẩm quyền báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ.

b) Được đề nghị trung tập người ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; đề xuất thuê chuyên gia tư vấn tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết với điều kiện đảm bảo tính độc lập.

c) Dự các cuộc họp theo quy định của Bộ Quốc phòng.

d) Khi thực hiện kiểm toán nội bộ có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị.

đ) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động được kiểm toán.

e) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán nội bộ.

g) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Tính độc lập và khách quan của Kiểm toán Bộ Quốc phòng

1. Kiểm toán Bộ Quốc phòng không bị can thiệp bởi bất kỳ yếu tố nào trong tổ chức kiểm toán nội bộ, bao gồm các vấn đề về lựa chọn đối tượng, phạm vi, thủ tục, tần suất, thời gian kiểm toán nội bộ và nội dung báo cáo để duy trì tính độc lập cần thiết.

2. Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này; Kiểm toán Bộ Quốc phòng phải có biện pháp theo dõi, quản lý để đảm bảo tính khách quan, ngăn ngừa sự thiếu công bằng, định kiến và xung đột lợi ích của người làm công tác kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.

3. Trường hợp tính độc lập và khách quan của Kiểm toán Bộ Quốc phòng bị ảnh hưởng hoặc có thể sẽ bị ảnh hưởng, Kiểm toán trưởng phải báo cáo với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chương II

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 16. Phương thức thực hiện kiểm toán nội bộ

Sử dụng phương pháp kiểm toán định hướng theo rủi ro, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

Điều 17. Kế hoạch kiểm toán nội bộ

1. Hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, Kiểm toán Bộ Quốc phòng lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm kế hoạch, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

2. Nội dung kế hoạch kiểm toán nội bộ bao gồm: Phạm vi, đối tượng kiểm toán, các mục tiêu, nội dung, niên độ kiểm toán, thời gian kiểm toán và việc phân bổ các nguồn lực.

3. Kế hoạch kiểm toán nội bộ được xây dựng trên cơ sở ưu tiên kiểm toán bằng phương pháp định hướng theo rủi ro, theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có xem xét đến ý kiến của các cơ quan, đơn vị.

4. Kiểm toán trưởng đánh giá toàn diện về rủi ro của các đơn vị để lập kế hoạch kiểm toán nội bộ; xem xét và điều chỉnh kế hoạch nếu cần để đáp ứng yêu cầu kiểm soát rủi ro. Khi điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

5. Kiểm toán Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan về các vấn đề chuyên môn, đánh giá rủi ro và các thông tin phục vụ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ; tránh thực hiện thanh tra, kiểm toán cùng một đơn vị trong năm.

6. Kế hoạch kiểm toán nội bộ được phê duyệt trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Kiểm toán trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được phê duyệt, kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được gửi cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng phụ trách (nếu có), các đơn vị có tên trong kế hoạch và cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 18. Quy trình kiểm toán nội bộ

Kiểm toán trưởng xây dựng Quy trình kiểm toán nội bộ và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy trình kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động của Bộ Quốc phòng. Văn phòng Bộ Quốc phòng theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 19. Báo cáo kiểm toán nội bộ và kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán

1. Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ:

a) Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày hoàn thành cuộc kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán hoặc người phụ trách cuộc kiểm toán chịu trách nhiệm lập báo cáo kiểm toán nội bộ, báo cáo Kiểm toán trưởng xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ phải có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm toán hoặc người phụ trách cuộc kiểm toán.

b) Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ gồm những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung, phạm vi kiểm toán và giới hạn của cuộc kiểm toán;
- Những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này;
- Các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm;
- Đề xuất các biện pháp xử lý rủi ro, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

c) Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ phải có ý kiến của đơn vị được kiểm toán. Trường hợp đơn vị được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ phải nêu rõ ý kiến của đơn vị và lý do.

d) Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ được gửi đến Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Sau khi Bộ trưởng có ý kiến chỉ đạo, báo cáo kiểm toán nội bộ được gửi đến đơn vị được kiểm toán và các cơ quan có liên quan.

2. Báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán trưởng phải gửi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm.

b) Báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu kế hoạch kiểm toán nội bộ đề ra, công việc kiểm toán đã được thực hiện;
- Tồn tại, sai phạm lớn được phát hiện, biện pháp mà Kiểm toán Bộ Quốc phòng kiến nghị;
- Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến hoạt động được kiểm toán và đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng.

c) Báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm phải có chữ ký của Kiểm toán trưởng.

3. Báo cáo bất thường:

a) Khi phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc nhận thấy có nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của đơn vị, Kiểm toán trưởng phải báo cáo ngay với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

b) Báo cáo bất thường gồm các nội dung cơ bản sau:

- Những vấn đề rủi ro mà Kiểm toán Bộ Quốc phòng quan tâm, chú ý;
- Bộc lộ, phát sinh sự yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị;
- Những phát hiện nghiêm trọng cần có sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng để xử lý, khắc phục;
- Báo cáo bất thường trình bày các vấn đề phát sinh hoặc phát hiện cùng với những kiến nghị xử lý.

4. Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán:

a) Kiểm tra, đánh giá thời gian, kết quả những công việc mà đơn vị được kiểm toán đã thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng đã được phê duyệt.

b) Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán được gửi lên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

5. Quy trình gửi báo cáo kiểm toán nội bộ lên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ Quốc phòng và Quy chế làm việc của Văn phòng Bộ Quốc phòng.

Điều 20. Lưu trữ báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ

1. Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản (giấy hoặc điện tử), lưu trữ theo trình tự để các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khai thác và hiểu được các công việc, kết quả thực hiện trong báo cáo kiểm toán nội bộ.

2. Các báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 21. Đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán Bộ Quốc phòng xây dựng và duy trì chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ.

2. Chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ được xây dựng nhằm đánh giá các vấn đề:

a) Tính tuân thủ của Kiểm toán Bộ Quốc phòng đối với các quy định và chuẩn mực kiểm toán nội bộ quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTC.

b) Tính tuân thủ của người làm công tác kiểm toán đối với các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTC.

c) Hiệu quả, hiệu suất hoạt động của Kiểm toán Bộ Quốc phòng và các biện pháp để kiểm soát, nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ.

3. Chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ bao gồm đánh giá nội bộ và đánh giá độc lập.

a) Đánh giá nội bộ: Đánh giá lại hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện sau mỗi cuộc kiểm toán và đánh giá lại hằng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ do Kiểm toán Bộ Quốc phòng tự thực hiện.

b) Đánh giá độc lập: Trường hợp cần thiết, Kiểm toán trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho phép thuê hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện thực hiện việc kiểm tra, đánh giá độc lập về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ của Kiểm toán Bộ Quốc phòng, bảo đảm ít nhất 05 năm một lần.

4. Hằng năm, Kiểm toán Bộ Quốc phòng báo cáo toàn diện về kết quả của chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Quy trình báo cáo thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ Quốc phòng và Quy chế làm việc của Văn phòng Bộ Quốc phòng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng.
2. Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm.
3. Quyết định, phê duyệt việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng có liên quan thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của Kiểm toán Bộ Quốc phòng.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm toán trưởng và các chức danh khác của Kiểm toán Bộ Quốc phòng.

Điều 23. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

1. Tạo điều kiện thuận lợi để Kiểm toán Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ được giao; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với Kiểm toán Bộ Quốc phòng theo quy định tại Quy chế này.
2. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng đã được phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán về Kiểm toán Bộ Quốc phòng.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của đơn vị cho Kiểm toán Bộ Quốc phòng.
4. Cung cấp các văn bản của Nhà nước, Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ tài chính, tài sản công theo phạm vi quản lý cho Kiểm toán Bộ Quốc phòng.

Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán

1. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết liên quan đến hoạt động được kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm theo yêu cầu của Kiểm toán Bộ Quốc phòng một cách trung thực, chính xác.

2. Thông báo ngay cho Kiểm toán Bộ Quốc phòng khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, thất thoát về tài chính, tài sản công hoặc nguy cơ thất thoát tài chính, tài sản công.

3. Thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán Bộ Quốc phòng đã được phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán lên cấp trên đến Kiểm toán Bộ Quốc phòng.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để Kiểm toán Bộ Quốc phòng làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung công tác kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng đã triển khai thực hiện trước thời điểm ban hành Quy chế này được tiếp tục thực hiện theo quyết định, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các nội dung công tác kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng triển khai sau thời điểm ban hành Quy chế thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

Kiểm toán trưởng có trách nhiệm định kỳ rà soát phát hiện những nội dung trong Quy chế này không còn phù hợp với quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn hoặc không còn phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán Bộ Quốc phòng; đề xuất với cấp có thẩm quyền báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng, Kiểm toán trưởng Kiểm toán Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.